

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-PT
Ngày: 11-01-2024
V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ do người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đại Long

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2023/QĐ-PT ngày 05/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐ-PT ngày 25/10/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023 và số 24/2023/QĐ-PT ngày 12/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Quản Đình N, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

1.2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý: Ông Quản Đình N, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Lê Thị H1 - Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: 09/91 N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1992; địa chỉ: Phòng 801, CT2, chung cư X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị H.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, đơn trình bày ngày 21/12/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Quản Đình N và là người đại diện cho bà Đỗ Thị L trình bày:

Do là chỗ quen biết và người cùng làng với ông Nguyễn Văn D2 (sinh năm 1965, mất ngày 12/02/2021), khoảng năm 2017-2018 ông N và bà L cho ông D2 vay số tiền 180.000.000 đồng để ông D2 làm xây dựng, trả công thợ. Trong quá trình vay tiền, bà Đặng Thị H là vợ ông D2 biết và có 02 lần đến lấy tiền và gửi ra cho ông D2 lúc đó đang làm ở Hà Nội, một lần 10.000.000 đồng và một lần 20.000.000 đồng, sau này ông D2 về mới xác nhận nợ vay là ngày 10/01/2018 âm lịch vay tổng cộng 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), ông N và bà L đã yêu cầu gia đình bà H trả nợ thay ông D2 nhiều lần nhưng bà H không trả nợ.

Nay ông Quản Đình N và bà Đỗ Thị L yêu cầu bà Đặng Thị H là vợ ông Nguyễn Văn D2 và các con ông D2 là chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn D1 thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 180.000.000 đồng tiền gốc, cộng với tiền lãi từ ngày 10/01/2018 âm (tức là ngày 25/02/2018) đến ngày 18/5/2023 là $180.000.000đ \times 1,5\% / \text{tháng} \times 59 \text{ tháng} = 159.300.000đ$ (*Một trăm năm mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền bà Đặng Thị H, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn D1 còn phải trả là 339.300.000đ (*Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng*) và tiền trả lãi 1,5%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền gốc không yêu cầu tính tiền lãi.

Đề nghị Tòa án tuyên bố quyền sử dụng thửa đất số 633, tờ bản đồ số 8, diện tích 149,9m² đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn D2 ở thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và thửa đất số 492, tờ bản đồ số 8 đo vẽ năm 2011 đứng

tên chủ sử dụng đất là bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn D2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AG 480085 ngày 28/11/2006 là tài sản của ông Nguyễn Văn D2 khi chết để lại để thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông N và bà L.

2. Tại văn bản ý kiến ngày 20/12/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Đặng Thị H trình bày: Bà H không biết việc vay nợ giữa ông D2 và vợ chồng ông N, bà L. Bà H không vay tiền, nên không đồng ý việc trả nợ. Ngoài ra, bà H đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án thụ lý số 29/2022/TLST-DS ngày 22/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” mà Tòa án nhân dân huyện T đang giải quyết, với lý do: Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để đình chỉ vụ án. Quyền sử dụng thửa đất 633 tờ bản đồ số 8, diện tích 149,9m² đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn D2 ở thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và thửa đất số 492 tờ bản đồ số 8 đo vẽ năm 2011 đứng tên chủ sử dụng đất là bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn D2 theo GCNQSDĐ số AG 480085 ngày 28/11/2006 là tài sản chung của bà H và ông D2.

3. Tại văn bản ý kiến cùng ngày 20/12/2022, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn D1 đều cùng ý kiến: Ông Nguyễn Văn D2 mất ngày 12/02/2021, trước khi mất ông D2 không hề nói cho gia đình biết về khoản nợ đối với ông Quản Đình N và bà Đỗ Thị L, gia đình ông N và bà L cũng không liên hệ với gia đình về việc thu hồi khoản nợ ông D2 để lại. Chị H2, anh D và anh D1 thống nhất như quan điểm của bà H là đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh D cho rằng nếu có căn cứ thì gia đình sẽ trả khoản nợ của ông Nguyễn Văn D2 cho ông N và bà L. Hiện tại 02 quyền sử dụng đất như nguyên đơn yêu cầu gia đình đang thế chấp tại Ngân hàng, các hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn D2 là vợ con không ai từ chối nhận di sản thừa kế của ông D2 để lại.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến: Giấy vay tiền ngày 10/01/2018 âm lịch không đảm bảo, chỉ có thông tin, không có chữ ký của người cho vay, bên vay không ký thừa nhận việc nhận tiền đầy đủ, gia đình bị đơn không biết. Theo Điều 429 thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm, thời hạn trả nợ trong giấy vay tiền là ngày 30/12/2018 nên quá thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 và quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2023/QĐ-SCBSBA ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 401, Điều 463, khoản 4 và 5 Điều 466, Điều 468, khoản 1 và khoản 2 Điều 615 và khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 6; Điều 9, Điều 18; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã thay đổi tại phiên tòa, cụ thể:

1. Buộc bà Đặng Thị H, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn D1 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền do ông Nguyễn Văn D2 để lại; cụ thể: bà H, chị H2, anh D và anh D1 phải trả cho ông Quản Đình N và bà Đỗ Thị L số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

2. Trường hợp bà Đặng Thị H, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn D1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Quản Đình N và bà Đỗ Thị L thì ông Quản Đình N và bà Đỗ Thị L có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi $\frac{1}{2}$ Quyền sử dụng đất thửa đất 633 tờ bản đồ số 8, diện tích 149,9m² đứng tên chủ sử dụng là Nguyễn Văn D2 ở thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và thửa đất số 492 tờ bản đồ số 8 đo vẽ năm 2011 đứng tên chủ sử dụng đất là bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn D2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 480085 ngày 28/11/2006 là tài sản thực hiện nghĩa vụ do ông Nguyễn Văn D2 chết để lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2023, bà Đặng Thị H kháng cáo với nội dung: Giấy vay nợ và đơn khởi kiện thể hiện thời hiệu tranh chấp hợp đồng không còn. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại bản án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-P9 kháng nghị đối với bản án số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/11/2023, nguyên đơn đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác định giá trị tài sản (là di sản thừa kế) của ông Nguyễn Văn D2 để lại nên HĐXX tạm ngừng phiên tòa để định giá tài sản là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D2 để lại mới có căn cứ buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 04 và 08/12/2023, kết quả như sau:

- Thửa đất số 492, tờ bản đồ số 8, diện tích 261,8m² tại thôn Q, xã H, huyện T, trị giá 1.300.000 đồng/m² x 261,8m² = 340.340.000 đồng.

- Thửa đất số 633, tờ bản đồ số 8, diện tích 149,9m² tại thôn Q, xã H, huyện T, trị giá 4.800.000 đồng/m² x 149,9m² = 719.520.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất là 1.059.860.000đ (*Một tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 12/12/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng kết quả giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn D tại cấp sơ thẩm là không khách quan, nên đề nghị HĐXX trưng cầu giám định lại. Do đó, HĐXX tạm ngừng phiên tòa để thực hiện việc trưng cầu giám định lại. Tuy nhiên, tài liệu do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp chưa có căn cứ có giá trị pháp lý để thực hiện việc giám định lại, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, nên HĐXX không thực hiện được việc giám định lại.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút đơn kháng cáo, không xuất trình thêm tài liệu, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa rút một phần kháng nghị đối với nội dung xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thay đổi nội dung kháng nghị, không đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm, mà đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện T về áp dụng căn cứ pháp luật và không tuyên biện pháp đảm bảo thi hành án là quyền yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất là tài sản của ông D2 và bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của BLTTDS, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị đối với nội dung xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên HĐXX không xem xét đối với nội dung kháng nghị này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Đặng Thị H:

[2.1] Bà Hà trình bày không biết có việc vay tiền giữa ông D2 và vợ chồng ông N, bà L, bà không trực tiếp vay tiền nên không đồng ý việc trả nợ, nhưng qua

xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như giấy vay tiền, kết quả giám định chữ ký, chữ viết đã có đủ cơ sở khẳng định ông D2 có vay tiền của ông N, bà L, số tiền còn nợ lại là 180.000.000 đồng.

[2.2] Bà H cho rằng nếu như có việc ông D2 vay tiền vào ngày 10/01/2018 âm lịch, thời hạn trả nợ trong giấy vay tiền là ngày 30/12/2018 thì đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án:

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn phần “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự thì: Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Theo quy định tại Điều 155 BLDS năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Trong trường hợp này, nguyên đơn yêu cầu đòi lại tài sản đã cho vay (khoản tiền gốc), chứ không tranh chấp hợp đồng vay tài sản (không yêu cầu trả lãi suất), nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện về hợp đồng. Do quan hệ pháp luật đang giải quyết là “Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự thì: *“Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”*. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm ông Nguyễn Văn D2 chết ngày 12/02/2021, đến ngày 10/11/2022 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, yêu cầu của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu thực hiện việc trưng cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn D2:

Tài liệu do anh Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp cho Tòa án là Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số..... /2018/HĐTĐ (không số) ngày 01 tháng 01 năm 2018 ký giữa Chủ tịch UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa với ông Nguyễn Văn D2, địa chỉ: thôn Q 2, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để làm tài liệu so sánh với mẫu cần giám định. Xét thấy: Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 01 năm 2018 chưa có căn cứ có giá trị pháp lý để xác định chữ ký, chữ viết “Nguyễn Văn D2” trên Hợp đồng là do chính ông Nguyễn Văn D2 viết ra. Tòa án đã đề nghị anh D cung cấp lại mẫu chữ so sánh của ông Nguyễn Văn D2 để thực hiện việc trưng cầu giám định nhưng anh D không cung cấp thêm tài liệu khác, nên Tòa án không thực hiện được việc trưng cầu giám định lại theo yêu cầu của anh D. Mặt khác, tại đơn kháng cáo, bị

đơn không kháng cáo về kết luận giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn D2. Do đó, cần căn cứ vào kết quả giám định đã có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

[3.1] Về xác định thiếu bị đơn:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền ông D2 vay, nên Tòa án xác định bà H là bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định những người con của ông D2 bao gồm chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn D1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, trong phần quyết định của bản án đã quyết định bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đều phải có nghĩa vụ trả số tiền ngang nhau cho nguyên đơn, nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là đứng về phía bị đơn, đều có quyền và nghĩa vụ như bị đơn. Do đó, không cần thiết phải sửa bản án về xác định lại tư cách tham gia tố tụng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên.

Đối với yêu cầu đưa Quỹ tín dụng D và Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Viện kiểm sát đã rút yêu cầu kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[3.2] Về việc không định giá giá trị di sản của ông Nguyễn Văn D2 để lại là có thiếu sót của cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm đã thực hiện việc định giá giá trị di sản của ông D2 để lại. Theo kết quả định giá tài sản ngày 04/12/2023 và 08/12/2023 thì thửa đất số 492, tờ bản đồ số 8, diện tích 261,8m², đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D2 và bà Đặng Thị H, được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành AG 480085 ngày 28/11/2006 và thửa đất số 633, tờ bản đồ số 8, diện tích 149,9m², đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D2 và bà Đặng Thị H, được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành AI 065782 ngày 03/8/2007 có giá trị là 1.059.860.000 đồng, trong đó ông D2 có quyền một nửa, nên giá trị di sản do ông D2 để lại là 529.930.000 đồng, giá trị này lớn hơn nghĩa vụ phải trả, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 180.000.000 đồng.

[3.3] Về tuyên biện pháp đảm bảo thi hành án là quyền yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông D2 và bà H:

Do quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, do đó chỉ cần xác định giá trị di sản của người chết để lại có đủ để thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại hay không để tuyên buộc những người được hưởng di sản thừa kế của người chết để lại thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, mà không phải tuyên biện pháp bảo đảm thi hành án. Do đó,

kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có cơ sở, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[3.4] Về áp dụng pháp luật:

Nội dung vụ án giải quyết tranh chấp về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” là “Các tranh chấp khác về dân sự, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật” thuộc khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự về “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” là không chính xác. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có một số nhầm lẫn trong văn bản, như ghi số tiền bằng chữ không đúng với số tiền bằng số, tuy nhiên nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2023/QĐ-SCBSBA ngày 16/8/2023; về “*đơn khởi kiện ghi ngày 10/11/2023*” là ghi sai năm, đây là sơ suất trong quá trình soạn thảo bản án, nên chỉ cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

Như vậy, nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng căn cứ pháp luật và không tuyên quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi quyền sử dụng đất là tài sản thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Quản Đình N đã tự nguyện nộp đủ chi phí định giá tài sản theo quy định và không có yêu cầu gì, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bà Đặng Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (DSPT). Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Tuy bản án sơ thẩm bị sửa nhưng không sửa số tiền phải trả, nên giữ nguyên phần quyết định về án phí DSST tại bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 615 và khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (đã thay đổi tại phiên tòa): Buộc bà Đặng Thị H, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn D1 phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do ông Nguyễn Văn D2 để lại; cụ thể: bà H, chị H2, anh D và anh D1 phải trả cho ông Quản Đình N và bà Đỗ Thị L số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Chia theo phần, mỗi người phải có trách nhiệm trả 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

- Bỏ phần **1.2** trong phần **1** Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí DSPT, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000580 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà H đã nộp đủ án phí DSPT.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

